

THÔNG TƯ

**Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau
và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cà Mau**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tại công văn số 5448/UBND-XD ngày 23 tháng 10 năm 2013 và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại công văn số 4666/UBND-XD ngày 13 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cà Mau.

Điều 1. Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau

Nay công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau, bao gồm:

1. Vùng nước cảng biển Năm Căn: Bến cảng Năm Căn;
2. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Sông Đốc.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau

Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Vùng nước cảng biển Năm Căn:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm NC1, NC2, NC3, NC4 và NC5, có tọa độ sau đây:

NC1: $08^{\circ}44'30''$ N, $105^{\circ}13'48''$ E;

NC2: $08^{\circ}44'30''$ N, $105^{\circ}20'00''$ E;

NC3: $08^{\circ}40'00''$ N, $105^{\circ}20'00''$ E;

NC4: $08^{\circ}40'00''$ N, $105^{\circ}13'12''$ E;

NC5: $08^{\circ}44'30''$ N, $105^{\circ}13'12''$ E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm NC1 và điểm NC5 thuộc cửa Bồ Đề chạy dọc theo hai bờ sông Cửa Lớn đến đường thẳng cắt ngang sông cách cầu cảng Năm Căn 3.500 mét về phía thượng lưu;

c) Ranh giới tại khu vực đảo Hòn Khoai: là vùng nước được giới hạn bởi các đường tròn bán kính 1,5 hải lý, với tâm tại các điểm HK1, HK2 có tọa độ như sau:

HK1: $8^{\circ}24'20''$ N, $104^{\circ}49'50''$ E;

HK2: $8^{\circ}27'20''$ N, $104^{\circ}49'36''$ E.

d) Ranh giới tại khu vực Hòn Chuối: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn bán kính 1,5 hải lý, với tâm tại điểm HC có tọa độ: $8^{\circ}58'00''$ N, $104^{\circ}33'00''$ E;

đ) Ranh giới tại khu vực Ông Đốc: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn bán kính 1,5 hải lý, với tâm tại điểm SD có tọa độ: $9^{\circ}02'00''$ N, $104^{\circ}46'00''$ E;

e) Ranh giới tại khu vực Mũi Tràm: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn bán kính 1,5 hải lý, với tâm tại điểm MT có tọa độ: $9^{\circ}14'00''\text{N}$, $104^{\circ}45'00''\text{E}$.

2. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Sông Đốc: được giới hạn bởi đường tròn bán kính 01 hải lý, với tâm tại điểm SD có tọa độ: $7^{\circ}09'39''\text{N}$, $104^{\circ}03'21''\text{E}$.

3. Tọa độ các điểm tại khoản 1, khoản 2 Điều này áp dụng theo hệ tọa độ VN - 2000 và được chuyển đổi sang các hệ tọa độ tương ứng như sau:

Điểm	Hệ tọa độ VN – 2000		Hệ tọa độ sử dụng tại Hải đồ IA-500-10		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
NC1	$08^{\circ}44'30''$	$105^{\circ}13'48''$	$08^{\circ}44'30.0''$	$105^{\circ}13'48.0''$	$08^{\circ}44'26.3''$	$105^{\circ}13'54.4''$
NC2	$08^{\circ}44'30''$	$105^{\circ}20'00''$	$08^{\circ}44'30.0''$	$105^{\circ}20'00.0''$	$08^{\circ}44'26.3''$	$105^{\circ}20'06.4''$
NC3	$08^{\circ}40'00''$	$105^{\circ}20'00''$	$08^{\circ}40'00.0''$	$105^{\circ}20'00.0''$	$08^{\circ}39'56.3''$	$105^{\circ}20'06.4''$
NC4	$08^{\circ}40'00''$	$105^{\circ}13'12''$	$08^{\circ}40'00.0''$	$105^{\circ}13'12.0''$	$08^{\circ}39'56.3''$	$105^{\circ}13'18.4''$
NC5	$08^{\circ}44'30''$	$105^{\circ}13'12''$	$08^{\circ}44'30.0''$	$105^{\circ}13'12.0''$	$08^{\circ}44'26.3''$	$105^{\circ}13'18.4''$
HK1	$08^{\circ}24'20''$	$104^{\circ}49'50''$	$08^{\circ}24'20.0''$	$104^{\circ}49'50.0''$	$08^{\circ}24'16.3''$	$104^{\circ}49'56.4''$
HK2	$08^{\circ}27'20''$	$104^{\circ}49'36''$	$08^{\circ}27'20.0''$	$104^{\circ}49'36.0''$	$08^{\circ}27'16.3''$	$104^{\circ}49'42.4''$
HC	$08^{\circ}58'00''$	$104^{\circ}33'00''$	$08^{\circ}58'00.0''$	$104^{\circ}33'00.0''$	$08^{\circ}57'56.3''$	$104^{\circ}33'06.4''$
SD	$09^{\circ}02'00''$	$104^{\circ}46'00''$	$09^{\circ}02'00.0''$	$104^{\circ}46'00.0''$	$09^{\circ}01'56.3''$	$104^{\circ}46'06.4''$
MT	$09^{\circ}14'00''$	$104^{\circ}45'00''$	$09^{\circ}14'00.0''$	$104^{\circ}45'00.0''$	$09^{\circ}13'56.3''$	$104^{\circ}45'06.4''$
SD	$07^{\circ}09'39''$	$104^{\circ}03'21''$	$07^{\circ}09'36.1''$	$104^{\circ}03'27.5''$	$07^{\circ}09'39.8''$	$104^{\circ}03'21.0''$

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, khu nước, vùng nước có liên quan khác

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời cảng biển Năm Căn, cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Sông Đốc và khu nước, vùng nước khác trong phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Cà Mau

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và pháp luật có liên quan đến hoạt động hàng hải tại vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước, trọng tải của tàu thuyền và tính chất hàng hóa, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước theo quy định, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu

Ngoài phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này, Cảng vụ Hàng hải Cà Mau có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014. Bãi bỏ Quyết định số 31/2007/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cà Mau.

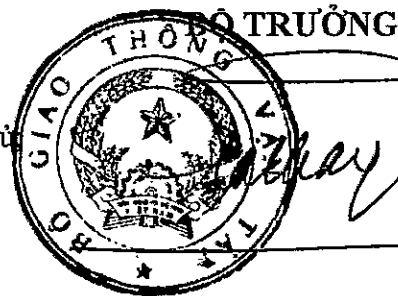
2. Ranh giới vùng nước cảng biển quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ số IA-500-10 tái bản năm 1996 của Hải quân nhân dân Việt Nam.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bạc Liêu, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Cà Mau, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC.



Định La Thăng